

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2019.

*“V/v trả chấp thay đổi mức
cấp dưỡng nuôi con chung”*

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Dũng.

2. Bà Trần Thị Lãm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Minh A, sinh năm 1980;

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm 1975;

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Minh A trình bày:

Bà và anh Trần Văn C đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 10/2009/QĐST –HNGĐ ngày 26/02/2009 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh. Theo quyết định trên,

bà Huỳnh Thị Minh A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Nhã D, sinh ngày 24/12/2004 và ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền tương đương 50kg gạo/tháng từ ngày 18/02/2009 cho đến khi cháu D đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng tự lao động, sinh sống được. Từ đó đến khi khởi kiện vụ án này, ông C vẫn cấp dưỡng đầy đủ theo ghi nhận trong quyết định. Tuy nhiên, trong quá trình nuôi con bà nhận thấy với mức cấp dưỡng 50kg gạo/tháng không đáp ứng đủ chi phí học tập, ăn uống và các chi phí sinh hoạt chính đáng khác. Trong khi đó, mức thu nhập từ công việc hiện nay của ông C là 6.300.000 (sáu triệu ba trăm nghìn) đồng, ông C chỉ chi tiêu cá nhân không có chi phí cho các khoản khác. Như vậy, mức cấp dưỡng tương đương 50kg gạo/tháng là thấp so với thực tế thu nhập của ông C. Do đó, để con có cuộc sống tốt và đầy đủ, đáp ứng các chi phí thiết yếu cho con bà yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu ông C có trách nhiệm nuôi con chung là 3.000.000 đồng mỗi tháng.

Tại phiên tòa, bà yêu cầu ông C thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu Trần Nhã D đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, sinh sống được.

Bị đơn ông Trần Văn C trình bày:

Năm 2009, ông và bà Huỳnh Thị Minh A đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 10/2009/QĐST-HNGĐ ngày 26/02/2009 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh, trong quyết định có ghi nhận về con chung và cấp dưỡng nuôi con như phía bà A trình bày. Ông vẫn thực hiện tốt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như trong Quyết định. Sau khi ly hôn, ông giao hết tài sản lại cho bà A, bà A cũng là người có công việc, nguồn thu nhập ổn định hàng tháng vẫn đảm bảo cuộc sống cho con. Ngoài ra, ông còn nuôi cha mẹ già ngoài 80 tuổi, nuôi con nhỏ là cháu Trần Thiện N, sinh năm: 2011 đang học lớp 3 tại trường tiểu học thị trấn B, ông còn vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện B và ông phải trả hàng tháng là 2.537.000 (hai triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn) đồng. Nay bà Huỳnh Thị Minh A khởi kiện yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng mỗi tháng ông không đồng ý, vì ông không có khả năng cấp dưỡng cao hơn. Ông yêu cầu xem xét mức cấp cấp dưỡng phù hợp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật

tổ tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 5 Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Minh A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án; Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “tranh chấp thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung”, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn nhưng bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Huỳnh Thị Minh A và ông Trần Văn C thống nhất năm 2009 ông, bà đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 10/2009/QĐST-HNGĐ ngày 26/02/2009 của Tòa án nhân dân huyện T. Theo quyết định trên, bà Huỳnh Thị Minh A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Nhã D, sinh ngày 24/12/2004 và ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền tương đương 50kg gạo/tháng từ ngày 18/02/2009 cho đến khi cháu D đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng tự lao động, sinh sống được. Từ đó đến khi khởi kiện vụ án này, ông C vẫn cấp dưỡng đầy đủ theo ghi nhận trong quyết định. Tuy nhiên, bà A là người trực tiếp nuôi con chung nhận thấy mức cấp dưỡng không đáp ứng đủ các yêu cầu thiết yếu cho con nên yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng mỗi tháng.

[2.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu ông C thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu Trần Nhã D đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động, sinh sống được.

[2.3] Ông C không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì khi ly hôn ông đã giao hết tài sản chung cho bà A quản lý, sử dụng để bà A nuôi con. Hơn nữa, hiện tại ông còn nuôi cha mẹ già ngoài 80 tuổi, nuôi con nhỏ là cháu Trần Thiện N, sinh năm: 2011 đang học lớp 3 tại trường tiểu học thị trấn B, ông còn vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện B và ông phải trả hàng tháng là 2.537.000 (*hai triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn*) đồng.

[2.4] Xét yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng của nguyên đơn: Xét thấy mức cấp dưỡng nuôi con chung được ghi nhận trong Quyết định thuận tình ly hôn được thực hiện từ tháng 02 năm 2009. Từ thời điểm đó đến nay nhà nước cũng đã điều chỉnh mức lương cơ sở, các chi phí sinh hoạt, giá cả dịch vụ cũng thay đổi theo chiều hướng tăng lên. Cháu Trần Nhã D ngày càng lớn, đang trong độ tuổi phát triển nên nhu cầu thiết yếu để phục vụ cho cuộc sống cũng cao hơn.

Nên việc thay đổi mức cấp dưỡng là có cơ sở. Tuy nhiên, về mức yêu cầu tăng từ 50kg gạo lên 3.000.000 đồng là không phù hợp. Mặt khác, chị Minh A cũng thừa nhận chi phí cần thiết cho các bé cùng trang lứa là 2.000.000 đồng/tháng.

Đồng thời, để đảm bảo cho cháu D có điều kiện phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, thể hiện trách nhiệm của người làm cha mẹ nên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 10/2009/QĐST –HNGĐ ngày 26/02/2009 của Tòa án nhân dân huyện T, buộc ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Nhã D, sinh ngày 24/12/2004 mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các điều 69, 71, 82, 83, 110 và điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận.

[2.6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Minh A không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông Trần Văn C phải chịu án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 218; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị Quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các điều 69, 71, 82, 83, 110, 116 và 119 luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Minh A về việc thay đổi mức cấp dưỡng tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 10/2009/QĐST –HNGĐ ngày 26/02/2009 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Buộc ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Nhã D, sinh ngày 24/12/2004 là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi; cấp dưỡng theo phương thức định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2019.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Văn C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch. Bà Huỳnh Thị Minh A không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm,

Bà A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông C có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Mai

